

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ ỨNG HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT ĐỀN TỪNG TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ DIỆN TÍCH ĐẤT, TÀI SẢN TRÊN ĐẤT NẪM TRONG PHẠM VI THU HỒI ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN: ĐỀN BÙ, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG VÀ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT PHỤC VỤ XÂY DỰNG CƠ SỞ CÔNG NGHIỆP AN NINH TẠI XÃ ỨNG HÒA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Ứng Hòa)

STT	Chủ sử dụng	Địa chỉ chủ sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Bản đồ phục vụ công tác GPMB						Thông tin theo mảnh trích đo bản đồ địa chính		Ghi Chú
				Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi dự án (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số Tờ	Số thửa	
1	Bà Chu Thanh Nhân	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Côi Ngang	1	19	1661.5	1347.3	314.2	LUC	16	1	
2	Bà Chu Thị Bảo	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	2	104	2251.1	2251.1	0.0	LUC	16	54	
3	Hộ bà Bùi Thị Dụ	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Tre 3	3	4	814.0	814.0	0.0	LUC	16	66	
4	Hộ bà Chu Thị Biêng	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Tre 1	1	6	1646.5	1646.5	0.0	LUC	11	491	
5	Hộ bà Chu Thị Điệp	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	56	105.3	105.3	0.0	LUC	41	60	
		Thôn Dương Liễu	Xứ đồng Đầu Đồi	4	33	3240.5	3240.5	0.0	LUC	16	218	
6	Hộ bà Chu Thị Hà	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Côi Ngang	1	58	198.2	195.8	2.4	LUC	16	61	
7	Hộ bà Chu Thị Khuyết	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Tre 3	3	10	1637.5	1637.5	0.0	LUC	16	80	
8	Hộ bà Chu Thị Lịch	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Tre 2	1	22	2527.0	2527.0	0.0	LUC	16	7	
9	Hộ bà Chử Thị Ngà	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	32	128.7	128.7	0.0	LUC	41	42	
10	Hộ bà Chu Thị Thoái (bà Thoái đã chết) người đại diện là ông Vương Tuấn Anh	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Tre 3	3	18	2068.6	2068.6	0.0	LUC	16	95	
11	Hộ bà Chu Thị Thuận	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Bèo Dâu	2	22	450.3	450.3	0.0	LUC	41	37	
		Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	3	24	1440.5	1440.5	0.0	LUC	16	118	

12	Hộ bà Chu Thị Việt	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Cửa Ao	2	68	649.1	649.1	0.0	LUC	41	69	
13	Hộ bà Đặng Thị Thu	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	112	117.0	117.0	0.0	LUC	41	60	
14	Hộ bà Đặng Thị Tranh	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Cửa Ao	2	89	199.2	199.2	0.0	LUC	41	76	
		Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Cửa Ao	2	102	272.3	272.3	0.0	LUC	41	75	
15	Hộ bà Đào Thị Thái	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Bèo Dâu	2	18	583.2	583.2	0.0	LUC	41	34	
		Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	88	70.2	70.2	0.0	LUC	41	60	
16	Hộ bà Đỗ Thị Khiển	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 3	1	53	932.5	932.5	0.0	LUC	16	60	
		Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 3	3	9	743.4	735.6	7.8	LUC	16	78	
17	Hộ bà Dư Thị Chinh	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	92	70.2	70.2	0.0	LUC	41	60	
		Thôn Dương Liễu	ruộng Rau Cửa Ao	2	108	54.0	54.0	0.0	HNK	41	61	
18	Hộ bà Dư Thị Đồi	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Bèo Dâu	2	29	1572.1	1572.1	0.0	LUC	41	41	
19	Hộ bà Dư Thị Hằng	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Bèo Dâu	2	25	90.2	90.2	0.0	LUC	41	39	
		Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	4	17	1440.9	1440.9	0.0	LUC	16	119	
20	Hộ bà Dư Thị Len	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Cửa Ao	2	73	90.0	90.0	0.0	LUC	41	90	
21	Hộ bà Dư Thị Mơ	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	4	20	720.1	720.1	0.0	LUC	16	144	
22	Hộ bà Dư Thị Nga	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	91	23.4	23.4	0.0	LUC	41	60	
		Thôn Dương Liễu	ruộng Rau Cửa Ao	2	94	18.0	18.0	0.0	HNK	41	61	
23	Hộ bà Dư Thị Sen	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Cửa Ao	2	53	90.1	90.1	0.0	LUC	41	90	
24	Hộ bà Dư Thị Thao	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	82	140.4	140.4	0.0	LUC	41	60	
		Thôn Dương Liễu	ruộng Rau Cửa Ao	2	103	108.0	108.0	0.0	HNK	41	61	

25	Hộ bà Dư Thị Vạch	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	76	46.8	46.8	0.0	LUC	41	60	
26	Hộ bà Hoàng Thị Xứng	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	4	15	4320.6	4320.6	0.0	LUC	16	108	
27	Hộ bà Lê Thị Phúc	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Tre 1	1	17	1661.5	1661.5	0.0	LUC	11	516	
28	Hộ bà Lưu Thị Thanh	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	69	109.0	109.0	0.0	LUC	41	42	
29	Hộ bà Mai Thị Lức	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Côi Ngang	1	33	2044.6	1262.8	781.8	LUC	16	24	
30	Hộ bà Mai Thị Xuyên	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Tre 2	1	45	407.9	407.9	0.0	LUC	16	47	
31	Hộ bà Ngô Thị Chiến	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Tre 2	2	74	818.1	818.1	0.0	LUC	16	44	
32	Hộ bà Ngô Thị Khánh	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Tre 2	1	29	409.1	409.1	0.0	LUC	16	18	
33	Hộ bà Ngô Thị Tịnh	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Tre 2	2	43	2026.9	2026.9	0.0	LUC	16	39	
34	Hộ bà Nguyễn Thị Bèo (bà Bèo đã chết) người đại diện là ông Vương Xuân Chung	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Tre 3	3	25	405.5	405.5	0.0	LUC	16	134	
35	Hộ bà Nguyễn Thị Chuẩn	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	4	25	1440.2	1440.2	0.0	LUC	16	173	
36	Hộ bà Nguyễn Thị Đoàn	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	57	234.0	234.0	0.0	LUC	41	42	
37	Hộ bà Nguyễn Thị Đồi	Thôn Dương Liễu	ruộng Rau Cửa Ao	2	55	36.0	36.0	0.0	HNK	41	61	
38	Hộ bà Nguyễn Thị Hồng	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	4	26	1440.4	1440.4	0.0	LUC	16	484	
39	Hộ bà Nguyễn Thị Khâm	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Bèo Dâu	2	26	1302.9	1302.9	0.0	LUC	41	40	
40	Hộ bà Nguyễn Thị Khêu	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Tre 2	1	30	1495.9	1495.9	0.0	LUC	16	17	
41	Hộ bà Nguyễn Thị Lé	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	35	70.2	70.2	0.0	LUC	41	42	
42	Hộ bà Nguyễn Thị Nga	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	67	140.4	140.4	0.0	LUC	41	60	
43	Hộ bà Nguyễn Thị Ngột	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Côi Ngang	1	48	192.2	192.2	0.0	LUC	16	49	
44	Hộ bà Nguyễn Thị Nhân	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Cửa Ao	2	81	360.1	360.1	0.0	LUC	41	71	

45	Hộ bà Nguyễn Thị Nộm	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	4	21	1439.9	1439.9	0.0	LUC	16	131	
46	Hộ bà Nguyễn Thị Nụ	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	4	28	2160.7	2160.7	0.0	LUC	16	174	
47	Hộ bà Nguyễn Thị Phích	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Cửa Ao	2	41	180.5	180.5	0.0	LUC	41	58	
48	Hộ bà Nguyễn Thị Quyên	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 2	1	47	2387.0	2387.0	0.0	LUC	16	46	
49	Hộ bà Nguyễn Thị Thanh	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Cối Ngang	1	21	834.2	711.4	122.8	LUC	16	2	
50	Hộ bà Nguyễn Thị Tinh	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	79	93.6	93.6	0.0	LUC	41	60	
		Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	2	87	2970.9	2970.9	0.0	LUC	16	55	
51	Hộ bà Nguyễn Thị Toan	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 2	2	66	1524.7	1524.7	0.0	LUC	16	43	
52	Hộ bà Nguyễn Thị Xoá	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 2	1	60	1660.7	1660.7	0.0	LUC	16	56	
53	Hộ bà Phạm Thị Huệ	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	2	75	1801.0	1801.0	0.0	LUC	16	53	
54	Hộ bà Phạm Thị Nở	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	50	58.5	58.5	0.0	LUC	41	42	
55	Hộ bà Tạ Thị Soạn	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Bèo Dâu	2	24	360.0	360.0	0.0	LUC	41	38	
		Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	4	19	2160.9	2160.9	0.0	LUC	16	132	
56	Hộ bà Trần Thị Bình	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	42	93.6	93.6	0.0	LUC	41	42	
		Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	4	16	2430.6	2430.6	0.0	LUC	16	120	
57	Hộ bà Trần Thị Chiên	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 2	3	3	2464.6	2464.6	0.0	LUC	16	67	
58	Hộ bà Trinh Thị Loan	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	84	117.0	117.0	0.0	LUC	41	60	
59	Hộ bà Trương Thị Thu	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	2	65	721.0	721.0	0.0	LUC	16	41	
60	Hộ bà Vương Thị Hoàn	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 1	1	8	1231.5	1231.5	0.0	LUC	11	497	
61	Hộ bà Vương Thị Kín	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 1	1	20	4175.3	4175.3	0.0	LUC	16	3	
62	Hộ bà Vương Thị Nguyệt	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 3	3	33	463.5	463.5	0.0	LUC	16	159	

63	Hộ ông Bùi Công Quyền	Thôn Dũng Cắm	Xứ đồng Tre 1	1	9	2068.2	2068.2	0.0	LUC	11	498	
64	Hộ ông Bùi Văn Ty	Thôn Dũng Cắm	Xứ đồng Tre 1	2	1	2059.0	2059.0	0.0	LUC	11	510	
65	Hộ ông Chu Đức Hoạt	Thôn Dũng Cắm	Xứ đồng Côi Ngang	1	14	1248.3	1090.3	158.0	LUC	11	507	
66	Hộ ông Chu Đức Huy	Thôn Dũng Cắm	Xứ đồng Tre 3	3	7	815.2	815.2	0.0	LUC	16	73	
67	Hộ ông Chu Đức Huyền	Thôn Dũng Cắm	Xứ đồng Tre 3	3	2	2065.7	2065.7	0.0	LUC	16	74	
68	Hộ ông Chu Duy Biên	Thôn Dũng Cắm	Xứ đồng Côi Ngang	1	3	842.5	699.5	143.0	LUC	11	481	
69	Hộ ông Chu Duy Đệ	Thôn Dũng Cắm	Xứ đồng Côi Ngang	1	5	1681.4	1426.7	254.7	LUC	11	493	
70	Hộ ông Chu Duy Thiện	Thôn Dũng Cắm	Xứ đồng Tre 2	1	25	2880.0	2880.0	0.0	LUC	16	13	
71	Hộ ông Chu Ngọc Khang	Thôn Dũng Cắm	Xứ đồng Tre 3	3	29	1653.4	1653.4	0.0	LUC	16	142	
72	Hộ ông Chử Thành Biên	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đâu Đỗi	4	18	720.9	720.9	0.0	LUC	16	121	
73	Hộ ông Chu Văn Đại	Thôn Dũng Cắm	Xứ đồng Tre 2	1	54	1839.0	1839.0	0.0	LUC	16	57	
74	Hộ ông Chu Văn Giang	Thôn Dũng Cắm	Xứ đồng Tre 1	1	13	1645.4	1645.4	0.0	LUC	11	509	
75	Hộ ông Chử Văn Khá	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Cửa Ao	2	34	540.4	310.0	230.4	LUC	41	54	
		Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	40	117.0	117.0	0.0	LUC	41	42	
		Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đâu Đỗi	4	2	3600.7	3600.7	0.0	LUC	16	69	
76	Hộ ông Chu Văn Long	Thôn Dũng Cắm	Xứ đồng Côi Ngang	1	1	1721.2	1105.0	616.2	LUC	11	468	
77	Hộ ông Chử Văn Soái	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Cửa Ao	2	48	269.0	269.0	0.0	LUC	41	57	
78	Hộ ông Chu Văn Sứ (ông Sứ đã chết) người đại diện là bà Nguyễn Thị Ché	Thôn Dũng Cắm	Xứ đồng Côi Ngang	1	55	222.0	222.0	0.0	LUC	16	50	
79	Hộ ông Chu Văn Thận (ông Thận đã chết) người đại diện là ông Chu Xuân Thanh	Thôn Dũng Cắm	Xứ đồng Tre 2	1	27	1242.5	1242.5	0.0	LUC	16	8	
		Thôn Dũng Cắm	Xứ đồng Tre 2	1	36	428.5	428.5	0.0	LUC	16	30	

80	Hộ ông Chu Văn Tịch	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Cối Ngang	1	28	2083.4	1311.3	772.1	LUC	16	20	
81	Hộ ông Chử Văn Vĩnh	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Cửa Ao	2	63	450.0	450.0	0.0	LUC	41	70	
82	Hộ ông Chu Xuân Đang	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 1	1	2	1209.2	1209.2	0.0	LUC	11	482	
		Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 1	1	15	911.0	911.0	0.0	LUC	11	508	
83	Hộ ông Chử Xuân Đài	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	70	117.0	68.3	48.7	LUC	41	60	
84	Hộ ông Đỗ Văn Mưu	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 3	3	14	2893.2	2893.2	0.0	LUC	16	90	
85	Hộ ông Đỗ Văn Trọng	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 3	3	12	1232.4	1232.4	0.0	LUC	16	91	
86	Hộ ông Dư Xuân Hải	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	3	37	720.8	720.8	0.0	LUC	16	183	
87	Hộ ông Dư Đức Thơm	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	107	23.4	23.4	0.0	LUC	41	60	
88	Hộ ông Dư Hải Nam	Thôn Dương Liễu	ruộng Rau Cửa Ao	2	90	108.0	108.0	0.0	HNK	41	61	
89	Hộ ông Dư Ngọc Trinh	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Bèo Dâu	2	16	900.1	900.1	0.0	LUC	41	33	
90	Hộ ông Dư Tuấn Anh	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	60	46.8	46.8	0.0	LUC	41	42	
91	Hộ ông Dư Tuấn Phương	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	109	46.8	46.8	0.0	LUC	41	60	
92	Hộ ông Dư Văn Bách	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	105	163.8	163.8	0.0	LUC	41	60	
93	Hộ ông Dư Văn Dân	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Bèo Dâu	2	8	1792.6	166.0	1626.6	LUC	41	17	
		Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	54	85.9	85.9	0.0	LUC	41	42	
94	Hộ ông Dư Văn Đích	Thôn Dương Liễu	Ruộng Rau Cửa Ao	2	117	90.0	90.0	0.0	HNK	41	61	
		Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	3	34	3600.7	3600.7	0.0	LUC	16	157	
95	Hộ ông Dư Văn Hiến	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	4	5	1440.9	1440.9	0.0	LUC	16	70	
96	Hộ ông Dư Văn Hóa	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	116	76.1	76.1	0.0	LUC	41	60	
		Thôn Dương Liễu	Ruộng Rau Cửa Ao	2	120	58.5	58.5	0.0	HNK	41	61	
97	Hộ ông Dư Văn Họa	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Bèo Dâu	2	21	428.9	428.9	0.0	LUC	41	36	
		Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	96	140.4	140.4	0.0	LUC	41	60	

98	Hộ ông Dư Văn Huấn	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	4	23	720.6	720.6	0.0	LUC	16	145	
99	Hộ ông Dư Văn Kiểm	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	101	163.8	163.8	0.0	LUC	41	60	
		Thôn Dương Liễu	Ruộng Rau Cửa Ao	2	110	126.0	126.0	0.0	HNK	41	61	
100	Hộ ông Dư Văn Luật	Thôn Dương Liễu	ruộng Rau Cửa Ao	2	106	72.0	72.0	0.0	HNK	41	61	
101	Hộ ông Dư Văn Nhất	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	2	61	720.7	720.7	0.0	LUC	16	52	
102	Hộ ông Dư Văn Nhật	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	28	124.7	123.8	0.9	LUC	41	42	
103	Hộ ông Dư Văn Phan	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Bèo Dâu	2	20	90.9	90.9	0.0	LUC	41	35	
		Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	49	81.9	81.9	0.0	LUC	41	42	
104	Hộ ông Dư Văn Quy	Thôn Dương Liễu	ruộng Rau Cửa Ao	2	58	72.0	11.5	60.5	HNK	41	61	
105	Hộ ông Dư Văn Tạc	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	114	23.4	23.4	0.0	LUC	41	60	
		Thôn Dương Liễu	Ruộng Rau Cửa Ao	2	119	18.0	18.0	0.0	HNK	41	61	
106	Hộ ông Dư Văn Thái	Thôn Dương Liễu	Xứ đồng Đầu Đồi	4	34	4771.8	4771.8	0.0	LUC	16	236	
107	Hộ ông Dư Văn Thuận	Thôn Dương Liễu	ruộng Rau Cửa Ao	2	93	18.0	18.0	0.0	HNK	41	61	
		Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	95	23.4	23.4	0.0	LUC	41	60	
108	Hộ ông Dư Văn Thuật	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	39	70.2	70.2	0.0	LUC	41	42	
		Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Cửa Ao	2	86	731.3	731.3	0.0	LUC	41	72	
109	Hộ ông Dư Văn Tịch	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Bèo Dâu	2	15	2090.3	2090.3	0.0	LUC	41	18	
		Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	78	57.0	57.0	0.0	LUC	41	42	
		Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	118	60.0	60.0	0.0	LUC	41	60	
110	Hộ ông Dư Văn Trọng (Chính)	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	45	140.4	140.4	0.0	LUC	41	42	
		Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	4	3	4320.6	4320.6	0.0	LUC	16	84	
111	Hộ ông Dư Văn Trọng (Hồng)	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	4	10	3780.9	3780.9	0.0	LUC	16	99	

112	Hộ ông Dư Văn Tuấn	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Bèo Dâu	2	4	2005.0	520.4	1484.6	LUC	41	1	
		Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Bèo Dâu	2	13	538.9	538.9	0.0	LUC	41	89	
		Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	59	140.4	140.4	0.0	LUC	41	60	
113	Hộ ông Dư Văn Vôi	Thôn Dương Liễu	Xứ đồng Đầu Đồi	4	32	4320.3	4320.3	0.0	LUC	16	209	
114	Hộ ông Dư Xuân Hùng	Thôn Dương Liễu	Ruộng Rau Cửa Ao	2	115	72.0	72.0	0.0	HNK	41	61	
		Thôn Dương Liễu	Xứ đồng Đầu Đồi	4	29	3240.8	3240.8	0.0	LUC	16	197	
115	Hộ ông Dư Xuân Tuyển	Thôn Dương Liễu	ruộng Rau Cửa Ao	2	97	90.0	90.0	0.0	HNK	41	61	
		Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	3	21	2214.8	2214.8	0.0	LUC	16	109	
		Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	4	6	1932.1	1932.1	0.0	LUC	16	71	
116	Hộ ông Lê Như Công	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Côi Ngang	1	51	227.8	227.8	0.0	LUC	16	48	
117	Hộ ông Lê Tiến Thông	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 3	3	5	811.3	811.3	0.0	LUC	16	65	
118	Hộ ông Lê Trọng Thủy	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 3	1	56	2049.6	2049.6	0.0	LUC	16	59	
119	Hộ ông Lê Tự Đệ	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 2	2	51	410.4	410.4	0.0	LUC	16	45	
120	Hộ ông Lê Văn Đăng	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 2	1	38	1226.5	1226.5	0.0	LUC	16	29	
121	Hộ ông Lê Văn Huân (Toan)	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 1	2	23	1373.4	1373.4	0.0	LUC	16	26	
122	Hộ ông Lê Văn Hùng	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 3	3	13	2466.5	2466.5	0.0	LUC	16	89	
123	Hộ ông Lê Văn Mỏi	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 2	1	41	4109.1	4109.1	0.0	LUC	16	36	
124	Hộ ông Lê Văn Mừng	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 1	1	11	1644.4	1644.4	0.0	LUC	11	502	
125	Hộ ông Lê Văn Phơ	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 3	3	8	2445.1	2445.1	0.0	LUC	16	79	
126	Hộ ông Lê Việt Trung (Ba)	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 1	2	7	2535.0	2535.0	0.0	LUC	16	5	
127	Hộ ông Lê Xuân Biên	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Côi Ngang	1	46	728.8	728.8	0.0	LUC	16	34	

128	Hộ ông Lê Xuân Dự	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 1	2	11	2929.9	2929.9	0.0	LUC	16	14	
129	Hộ ông Mai Văn Diễm	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Côi Ngang	1	61	663.4	33.0	630.4	LUC	16	64	
130	Hộ ông Mai Văn Sơn	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Côi Ngang	1	57	333.8	103.1	230.7	LUC	16	62	
131	Hộ ông Ngô Bình Dương	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 2	3	6	1183.1	1183.1	0.0	LUC	16	72	
		Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 3	3	17	875.1	875.1	0.0	LUC	16	110	
132	Hộ ông Ngô Đức Tự (người được ủy quyền là ông Ngô Văn Vung)	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 3	3	16	2059.3	2059.3	0.0	LUC	16	97	
133	Hộ ông Ngô Văn Quang	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 1	2	19	1664.8	1664.8	0.0	LUC	16	15	
134	Hộ ông Ngô Văn Tính	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 2	1	39	1626.6	1626.6	0.0	LUC	16	27	
135	Hộ ông Ngô Văn Tịnh	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 3	3	19	2066.0	2066.0	0.0	LUC	16	98	
136	Hộ ông Ngô Văn Tư (ông Tư đã chết) người đại diện là bà Lê Thị Lương	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 2	1	37	1621.7	1621.7	0.0	LUC	16	28	
137	Hộ ông Nguyễn Anh Thư	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	31	23.4	23.4	0.0	LUC	41	42	
138	Hộ ông Nguyễn Anh Tuấn	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	37	105.3	105.3	0.0	LUC	41	42	
139	Hộ ông Nguyễn Chí Thanh	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	111	46.8	46.8	0.0	LUC	41	60	
		Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Dầu Đồi	4	9	1441.0	1441.0	0.0	LUC	16	87	
140	Hộ ông Nguyễn Đình San	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Bèo Dâu	2	10	2588.4	25.0	2563.4	LUC	41	16	
		Thôn Dương Liễu	ruộng Rau Cửa Ao	2	80	144.0	144.0	0.0	HNK	41	61	
141	Hộ bà Nguyễn Thị Đoàn	Thôn Dương Liễu	Ruộng Rau Cửa Ao	2	121	180.0	180.0	0.0	HNK	41	61	
142	Hộ ông Nguyễn Hữu Cảnh	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 2	1	34	810.5	810.5	0.0	LUC	16	490	
143	Hộ ông Nguyễn Hữu Đãi	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 1	2	5	828.2	828.2	0.0	LUC	16	4	

144	Hộ ông Nguyễn Hữu Đăng	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 1	2	3	1240.4	1240.4	0.0	LUC	16	492	
145	Hộ ông Nguyễn Hữu Hà	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Cối Ngang	1	7	2085.7	1827.7	257.9	LUC	11	495	
146	Hộ ông Nguyễn Hữu Nghiêu	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 2	1	31	991.7	991.7	0.0	LUC	16	25	
147	Hộ ông Nguyễn Hữu Quang	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 2	1	32	630.4	630.4	0.0	LUC	16	491	
148	Hộ ông Nguyễn Hữu Thiên	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 2	1	50	2379.1	2379.1	0.0	LUC	16	51	
149	Hộ ông Nguyễn Hữu Tính (Chinh)	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 2	1	42	813.3	813.3	0.0	LUC	16	38	
150	Hộ ông Nguyễn Hữu Toàn	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 1	2	14	1686.2	1686.2	0.0	LUC	16	16	
151	Hộ ông Nguyễn Khắc Toàn	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Bèo Dâu	2	6	1374.4	236.1	1138.3	LUC	41	2	
		Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	71	140.4	140.4	0.0	LUC	41	42	
152	Hộ ông Nguyễn Mạnh Đạt	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 1	2	2	2075.3	2075.3	0.0	LUC	11	515	
153	Hộ ông Nguyễn Quang Chính	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Cửa Ao	2	44	456.3	320.8	135.5	LUC	41	59	
154	Hộ ông Nguyễn Quang Huy (ông Huy đã chết) người đại diện là ông Nguyễn Hữu Tuyên	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Cối Ngang	1	16	2079.1	1834.0	245.1	LUC	11	517	
155	Hộ ông Nguyễn Tiến Khải	Thôn Dương Liễu	ruộng Rau Cửa Ao	2	99	72.0	72.0	0.0	HNK	41	61	
156	Hộ ông Nguyễn Tiến Khương	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 1	1	4	2062.1	2062.1	0.0	LUC	11	492	
157	Hộ ông Nguyễn Trọng Tuấn	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	3	36	720.5	720.5	0.0	LUC	16	171	
158	Hộ ông Nguyễn Văn Toàn	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	52	70.2	70.2	0.0	LUC	41	42	
		Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	2	47	2163.1	2163.1	0.0	LUC	16	40	
159	Hộ ông Nguyễn Văn Ái (ông Ái đã chết) người đại diện là bà Nguyễn Thị Đó	Thôn Dương Liễu	Xứ Đồng Đầu Đồi	4	7	2160.8	2160.8	0.0	LUC	16	81	

160	Hộ ông Nguyễn Văn Ba	Thôn Dương Liễu	Xứ Đòng Đầu Đồi	4	13	721.0	721.0	0.0	LUC	16	86	
161	Hộ ông Nguyễn Văn Bính	Thôn Dương Liễu	Xứ Đòng Đầu Đồi	4	1	2520.3	2520.3	0.0	LUC	16	68	
162	Hộ ông Nguyễn Văn Chiêm	Thôn Dương Liễu	Xứ Đòng Đầu Đồi	4	11	720.4	720.4	0.0	LUC	16	100	
163	Hộ ông Nguyễn Văn Cộng	Thôn Dương Liễu	Xứ Đòng Đầu Đồi	4	31	2718.1	2718.1	0.0	LUC	16	182	
164	Hộ ông Nguyễn Văn Đán	Thôn Dương Liễu	Xứ Đòng Đầu Đồi	4	24	3600.2	3600.2	0.0	LUC	16	156	
165	Hộ ông Nguyễn Văn Đáng	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	33	117.0	117.0	0.0	LUC	41	42	
		Thôn Dương Liễu	Xứ Đòng Đầu Đồi	3	35	2880.6	2880.6	0.0	LUC	16	184	
166	Hộ ông Nguyễn Văn Dương	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	27	46.8	20.7	26.1	LUC	41	42	
167	Hộ ông Nguyễn Văn Khoản	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	98	46.8	46.8	0.0	LUC	41	60	
		Thôn Dương Liễu	Ruộng Rau Cửa Ao	2	113	54.0	54.0	0.0	HNK	41	61	
168	Hộ ông Nguyễn Văn Mui	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	30	152.1	152.1	0.0	LUC	41	42	
		Thôn Dương Liễu	Xứ Đòng Đầu Đồi	4	22	3675.7	3675.7	0.0	LUC	16	130	
169	Hộ ông Nguyễn Văn Nam	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	38	175.5	175.5	0.0	LUC	41	42	
		Thôn Dương Liễu	ruộng Rau Cửa Ao	2	83	90.1	90.1	0.0	HNK	41	61	
		Thôn Dương Liễu	ruộng Rau Cửa Ao	2	85	72.0	72.0	0.0	HNK	41	61	
170	Hộ ông Nguyễn Văn Nghị	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	62	23.4	23.4	0.0	LUC	41	42	
		Thôn Dương Liễu	Xứ Đòng Đầu Đồi	4	8	720.7	720.7	0.0	LUC	16	82	
171	Hộ ông Nguyễn Văn Ngũ	Thôn Dương Liễu	đồng Cửa Ao	2	64	109.3	109.3	0.0	LUC	41	42	
172	Hộ ông Nguyễn Văn Tề	Thôn Dương Liễu	Xứ Đòng Đầu Đồi	2	72	1800.4	1800.4	0.0	LUC	16	42	
173	Hộ ông Nguyễn Văn Vít	Thôn Dương Liễu	Xứ Đòng Đầu Đồi	4	14	2880.0	2880.0	0.0	LUC	16	88	
174	Hộ ông Nguyễn Văn Vũ	Thôn Dũng Cảm	Xứ đồng Tre 3	3	22	2478.8	2478.8	0.0	LUC	16	111	

175	Hộ ông Vương Tuấn Anh	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Tre 3	3	20	820.8	820.8	0.0	LUC	16	112	
176	Hộ ông Vương Văn Điền	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Côi Ngang	1	23	1249.3	937.6	311.7	LUC	16	9	
177	Hộ ông Vương Văn Khai	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Côi Ngang	1	35	1004.8	661.7	343.1	LUC	16	31	
		Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Côi Ngang	1	43	895.8	516.2	379.6	LUC	16	32	
178	Hộ ông Vương Văn Thanh	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Côi Ngang	1	40	174.0	174.0	0.0	LUC	16	35	
179	Hộ ông Vương Văn Tuấn (người đại diện là bà Lê Thị Hiền)	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Tre 3	1	59	808.5	808.5	0.0	LUC	16	58	
180	Hộ ông Vương Văn Vệ	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Tre 3	3	31	2474.7	2474.7	0.0	LUC	16	143	
181	Hộ ông Vương Xuân Khoa	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Tre 3	3	28	2068.2	2068.2	0.0	LUC	16	133	
182	Ông Chu Văn Hùng và vợ là bà Nguyễn Thị Thu Chiến	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Côi Ngang	1	10	841.1	729.8	111.3	LUC	11	504	
183	Ông Nguyễn Hữu Tuyên và vợ là bà Chu Thị Mai	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Côi Ngang	1	26	1246.5	873.6	372.9	LUC	16	12	
184	Ông Vương Nguyễn Hải	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Tre 3	3	26	405.2	405.2	0.0	LUC	16	483	
185	Ông Vương Văn Tiến	Thôn Dũng Cầm	Xứ đồng Tre 3	3	27	2059.7	2059.7	0.0	LUC	16	117	
186	UBND xã Ứng Hòa		Xứ đồng Đầu Đồi	1	12	289.2	289.2	0.0	DTL	16	6	
187	UBND xã Ứng Hòa		Xứ đồng Đầu Đồi	1	18	2341.5	2341.5	0.0	DTL	16	19	
188	UBND xã Ứng Hòa		Xứ đồng Đầu Đồi	1	24	7090.2	5735.7	1354.5	DGT	11	480	
189	UBND xã Ứng Hòa		Xứ đồng Đầu Đồi	1	44	248.3	248.3	0.0	DTL	16	37	
190	UBND xã Ứng Hòa		Xứ đồng Đầu Đồi	1	49	710.2	710.2	0.0	DTL	16	94	
191	UBND xã Ứng Hòa		Xứ đồng Đầu Đồi	2	9	181.0	181.0	0.0	DTL	16	6	
192	UBND xã Ứng Hòa		Xứ đồng Đầu Đồi	2	12	314.5	275.9	38.6	DTL	41	19	

193	UBND xã Ứng Hòa		Xứ đồng Đầu Đồi	2	17	7422.1	6051.0	1371.1	DGT	41	56	
194	UBND xã Ứng Hòa		Xứ Đồng Bèo Dâu	2	36	2585.6	2585.6	0.0	LUC	41	55	
195	UBND xã Ứng Hòa		Xứ Đồng Bèo Dâu	2	46	136.7	121.8	14.9	DTL	41	32	
196	UBND xã Ứng Hòa		Xứ Đồng Bèo Dâu	2	77	253.7	230.8	22.9	DTL	41	51	
197	UBND xã Ứng Hòa		Xứ đồng Đầu Đồi	2	100	144.7	144.7	0.0	DTL	16	83	
198	UBND xã Ứng Hòa		Xứ đồng Đầu Đồi	3	1	61.9	61.9	0.0	DTL	16	37	
199	UBND xã Ứng Hòa		Xứ đồng Đầu Đồi	3	11	725.2	449.4	275.8	DTL	16	94	
200	UBND xã Ứng Hòa		Xứ đồng Đầu Đồi	3	15	456.2	456.2	0.0	DTL	16	96	
201	UBND xã Ứng Hòa		Xứ Đồng Đầu Đồi	3	23	4298.0	4029.9	268.1	DGT	11	480	
202	UBND xã Ứng Hòa		Xứ Đồng Đầu Đồi	3	30	166.6	166.6	0.0	LUC	16	158	
203	UBND xã Ứng Hòa		Xứ Đồng Đầu Đồi	3	32	175.1	175.1	0.0	DTL	16	172	
204	UBND xã Ứng Hòa		Xứ Đồng Đầu Đồi	4	4	247.2	247.2	0.0	LUC	16	85	
205	UBND xã Ứng Hòa		Xứ Đồng Đầu Đồi	4	12	486.8	484.8	2.0	DTL	16	83	
206	UBND xã Ứng Hòa		Xứ Đồng Đầu Đồi	4	27	6791.2	4157.3	2633.9	DGT	16	242	
207	UBND xã Ứng Hòa		Xứ Đồng Đầu Đồi	4	30	457.0	453.3	3.7	DTL	16	172	
208	UBND xã Ứng Hòa		Xứ Đồng Đầu Đồi	4	35	100.0	100.0	0.0	LUC	16	482	
209	UBND xã Ứng Hòa		Xứ đồng Đầu Đồi	1	52	3013.2	261.3	2751.9	DGT	16	34	
<b>Tổng</b>						<b>296326.5</b>	<b>274218.3</b>	<b>22108.1</b>				